

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH ĐẮK NÔNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số 45/2017/DS-PT
Ngày 14-9-2017
“V/v tranh chấp lỗi đi”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK NÔNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Tài Sử

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Xuân Chiến

Bà Phạm Thị Thông

- Thư ký phiên tòa: Bà Đào Hải Thịnh – Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Nông.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Nông: Bà Hồ Thị Hương Lan - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Trong các ngày 22 tháng 8 và ngày 14 tháng 9 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Nông xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 36/2017/TLPT-DS ngày 28 tháng 6 năm 2017 về “Tranh chấp lỗi đi”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 04/DS-ST ngày 23 tháng 5 năm 2017 của Tòa án nhân dân thị xã Gia Nghĩa bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 42/2017/QĐPT-DS ngày 02 tháng 8 năm 2017, Quyết định tạm ngừng phiên tòa số 137/QĐPT-DS ngày 22/8/2017, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Lương Thị D.

Địa chỉ: Tổ 6, phường N, thị xã G, tỉnh Đắk Nông.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Anh Trần Văn T.

Địa chỉ: Tổ 6, phường N, thị xã G, tỉnh Đắk Nông.

- Bị đơn: anh Trần Văn H1 và chị Ngô Thị T.

Địa chỉ: Tổ 6, phường N, thị xã G, tỉnh Đắk Nông.

- Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Luật sư Phan Văn C – Văn phòng luật sư P, Đoàn luật sư tỉnh Đắk Nông.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: anh Trần Văn T và chị Trương Thị M.

Địa chỉ: Tổ 6, phường N, thị xã G, tỉnh Đắk Nông.

- Người làm chứng:

Ông Trần Văn T.

Bà Nguyễn Thị L.

Bà Vũ Thị N.

Ông Lưu Trọng C.

Đều trú tại: Tổ 6, phường N, thị xã G, tỉnh Đắk Nông.

Ông Bùi Thượng H2.

Địa chỉ: Tổ 2, phường T, thị xã G, tỉnh Đắk Nông.

Ông Bùi Văn H3.

Địa chỉ: Tổ 3, phường N, thị xã G, tỉnh Đắk Nông.

Người kháng cáo: Nguyên đơn bà Lương Thị D.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện ngày 18 tháng 12 năm 2015 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Lương Thị D trình bày:

Năm 1993 bà Nguyễn Thị L (đã chết) tặng cho gia đình bà D và gia đình ông H, bà T thửa đất tại thôn 2, xã N, huyện Đ cũ, nay là tổ 6, phường N, thị xã G, tỉnh Đắk Nông để sinh sống. Sau khi được tặng, hai gia đình trao đổi bàn bạc chia nhau sử dụng, gia đình ông H1, bà T sử dụng phần đất phía ngoài mặt đường còn gia đình bà D lấy phần đất phía bên trong. Hai gia đình thỏa thuận chừa lại lối đi bên cạnh rộng 2m dài 32,5m để gia đình phía bên trong đi lại. Khi bà L tặng cho đất không có giấy tờ gì chỉ trao đổi bằng miệng có bà Vũ Thị N làm chứng. Năm 1994 gia đình bà Trần Thị Ng mua đất của bà LA và đi chung với con đường mà gia đình bà D và gia đình ông H1, bà T đã mở. Đến năm 1998 bà Ng không đi chung lối đi này nữa mà mở con đường đi riêng qua đất nhà bà LA. Lối đi này gia đình bà D sử dụng từ năm 1993 đến năm 2015 gia đình ông H1, bà T xây nhà và dựng hàng rào chắn lên con đường dân sinh trước đó hai gia đình đã thỏa thuận làm cho gia đình bà D không có lối đi. Vì vậy bà D khởi kiện yêu cầu gia đình ông H1, bà T tháo dỡ hàng rào và bờ kè, trả lại con đường dân sinh.

Ý kiến của bị đơn ông Trần Văn H1 và bà Ngô Thị T:

Năm 1992 bà Nguyễn Thị L (đã chết) cho bà Ngô Thị T 01 thửa đất tọa lạc tại thôn 2, xã N (Nay là tổ 6, phường N). Cuối năm 1992 bà T kết hôn với ông H1 và làm nhà trên thửa đất này. Cuối năm 1993 vì thấy hoàn cảnh gia đình bà D bên kia suối đi lại khó khăn nên gia đình ông H1, bà T đã cho bà D 01 mảnh đất thuộc diện tích ông bà lúc đó đang sử dụng để bà D làm nhà. Đến năm 1994 thì cho gia đình bà Trần Thị Ng 01 phần còn lại của thửa đất để gia đình bà Ng làm nhà ở. Do gia đình bà D và gia đình bà Ng không có lối đi nên ông H1 và bà T cho mượn diện tích đất có chiều rộng 2m, chiều dài 32,5m để cho gia đình bà D và gia đình bà Ng sử dụng làm lối đi. Lối đi trên thực tế vẫn nằm trên diện tích đất của gia đình ông bà và thuộc quyền sử dụng của ông bà.

Đến năm 2004, do có khó khăn nên ông bà đã sang nhượng lại cho vợ chồng ông Bùi Thượng H2 và bà Đoàn Thị H4 là di ruột của bà T với giá 60.000.000 đồng, ông H bà H4 đã đi kê khai và được cấp giấy chứng nhận QSDĐ vào ngày 16/4/2004. Tuy đã làm thủ tục chuyển nhượng nhưng trên thực tế ông H1, chị T là người sử dụng thửa đất. Đến năm 2016 ông H2 bà H4 cho

ông H1, bà T lại thừa đất và ông H1, bà T đã làm thủ tục xin cấp lại giấy chứng nhận QSDĐ vào ngày 20-5-2016.

Phần lỗi đi tranh chấp thuộc quyền sử dụng của gia đình ông H1, bà T nằm trong giấy chứng nhận QSDĐ mà ông H2 bà H4 được cấp năm 2004 và ông H1, bà T được cấp năm 2016. Vì vậy bà D khởi kiện yêu cầu mở lại lỗi đi trả lại con đường dân sinh ông bà không đồng ý.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 04/DS-ST ngày 23-5-2017 của Tòa án nhân dân thị xã G đã quyết định:

Căn cứ vào các Điều 26, 35 và Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm 1 khoản 4 Điều 95, 171, 203 của Luật đất đai; Điều 245, 254 của Bộ luật dân sự. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lương Thị D.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn tuyên về phần án phí , chi phí xem xét thẩm định tại chỗ , chi phí khai thác sử dụng đất đai , chi phí định giá tài sản và thông báo quyền kháng cáo của các đương sự.

- Ngày 24/5/2017 bà Lương Thị D kháng cáo yêu cầu cấp phúc thẩm xem xét lại vụ án.

- Tại phiên tòa phúc thẩm bà Ngô Thị T cung cấp thông tin thừa đất của bà T nhà nước đã có quyết định thu hồi xây dựng trường Cao đẳng cộng đồng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Nông phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Người tham gia tố tụng và người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng thủ tục của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Căn cứ Quyết định số 47/QĐ-UBND ngày 27/7/2017 của Ủy ban nhân dân thị xã G thu hồi 1.270,8m² đất của hộ bà Ngô Thị T tại tổ dân phố 6, phường N, thị xã G, tỉnh Đắk Nông nên đề nghị áp dụng khoản 4 Điều 308 BLTTDS, hủy bản án sơ thẩm, đình chỉ giải quyết vụ án, trả lại đơn khởi kiện cho bà Lương Thị D.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi bà Lương Thị D kháng cáo bản án sơ thẩm, Ủy ban nhân dân thị xã G ban hành quyết định số 47/QĐ-UBND ngày 27 tháng 7 năm 2017 thu hồi 1.270,8 m² đất của hộ bà Ngô Thị T tại tổ dân phố 6, phường N, thị xã G, tỉnh Đắk Nông và ban hành quyết định số 46/QĐ-UBND ngày 27 tháng 7 năm 2017 thu hồi 1.471,7m² đất của hộ bà Lương Thị D tại tổ dân phố 6, phường N, thị xã G, tỉnh Đắk Nông để xây dựng trường Cao đẳng Cộng đồng tỉnh Đắk Nông giai đoạn 2. Do quyền sử dụng đất của hộ bà T (đối tượng tranh chấp) bị nhà nước thu hồi để xây dựng trường Cao đẳng Cộng đồng tỉnh Đắk Nông nên quyền bất động sản liên kế của hộ bà D cũng chấm dứt theo quy định tại khoản 4 Điều 256 của Bộ luật dân sự 2015. Vì vậy, tranh chấp lỗi đi của bà D với ông H1, bà T không thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án, kể từ khi nhà nước quyết định thu hồi đất.

Do đó, Hội đồng xét xử phúc thẩm không xem xét kháng cáo của đương sự; Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 192, điểm g khoản 1 Điều 217 và khoản 4 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự, hủy bản án sơ thẩm, đình chỉ giải quyết vụ án dân sự, trả lại đơn khởi kiện cho bà Lương Thị D.

Về án phí: Căn cứ khoản 3 Điều 218 của Bộ luật tố tụng dân sự: Do bản án sơ thẩm bị huỷ nên trả lại số tiền tạm ứng án phí DSST và tiền tạm ứng án phí DSPT cho bà Lương Thị D.

Về chi phí tố tụng khác: Bà D tự chịu tiền chi phí tố tụng khác.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 192, điểm g khoản 1 Điều 217 và khoản 4 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự;

1. Hủy bản án dân sự sơ thẩm số 04/2017/DSST ngày 23-5-2017 của Tòa án nhân dân thị xã G; Đình chỉ giải quyết vụ án dân sự vụ án thụ lý số: 36/2017/TLPT-DS ngày 28 tháng 6 năm 2017 về “Tranh chấp lỗi đi”; Trả lại đơn khởi kiện cho bà Lương Thị D.

2. Về án phí: Căn cứ khoản 3 Điều 218 của Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 26, khoản 1 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

Trả lại cho bà Lương Thị D 200.000 đồng tiền tạm ứng án phí DSST đã nộp theo biên lai số 0000504 ngày 25/12/2015 và 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí DSPT đã nộp theo biên lai số 0001688 ngày 12 tháng 6 năm 2017 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã G.

3. Về chi phí tố tụng khác: Bà Lương Thị D tự chịu 2.565.000 đồng chi phí tố tụng khác đã nộp.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND CC tại TPHCM;
- VKSND tỉnh Đắk Nông;
- TAND thị xã Gia Nghĩa;
- Chi cục THADS thị xã G;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký và đóng dấu)

Nguyễn Tài Sử